

Bản số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bích Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Xuân L**, sinh năm 1965/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Đơn: Bà **Đoàn Thị L1**, sinh năm 1975/ vắng mặt lần thứ hai.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 6, thị trấn T, huyện Đ - Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn ông Trịnh Xuân L trình bày: Ông và bà Đoàn Thị L1 kết hôn tháng 8 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc những năm đầu, những năm tiếp theo diễn ra bình thường và không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên do ông thường xuyên đi làm ăn xa nhà, vợ chồng ít gặp nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Đến năm 2019 bà L1 bỏ đi theo người đàn ông khác để lại con gái cho ông nuôi, hiện đang ở miền nam, bà L1 không nói cho ông và con gái biết địa chỉ cụ thể hiện nay của bà L1 ở đâu, nhưng vẫn liên lạc được với bà L1 qua điện thoại. Ông Trịnh Xuân

L và con gái đã chờ đợi nhiều năm nhưng bà Đoàn Thị L1 không quay về với chồng con.

Nay ông Trịnh Xuân L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chờ đợi bà L1 quay về, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Lâm O, sinh ngày 02/12/2003, hiện nay do ông L nuôi ăn học đại học. Cháu Trịnh Lâm O đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục nuôi con học đại học.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trịnh Xuân L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đối với bị đơn là bà Đoàn Thị L1: Tòa án đã đã nhấn tin cho bà Đoàn Thị L1 trên báo, đài trung ương, tổng đài, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà Đoàn Thị L1 để thông báo về việc thụ lý vụ án và đề bà L1 đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên bà Đoàn Thị L1 không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L, cho ông L được ly hôn với bà L1.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trịnh Xuân L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là bà Đoàn Thị L1, bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bà L1 đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L1 không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân L và bà Đoàn Thị L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Từ tháng 04 năm 2019 đến nay bà L1 đã bỏ ông L và con gái đi đâu, làm gì ông L không biết cụ thể, ông L và con gái đã kiên trì chờ đợi bà L1 nghĩ lại và sẽ trở về nhưng bà L1 đã không quay về với chồng con, bà L1 không còn quan tâm đến chồng con và cuộc sống chung. Tại phiên Tòa ông Trịnh Xuân L cương quyết xin ly hôn bà L1 vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chờ bà L1 quay về, còn bà L1 không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Hội đồng xét xử đã động viên ông L suy nghĩ, xem xét chờ bà L1 thêm một thời gian nhưng ông L vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với bà L1 đã hết. Xét thấy ông Trịnh Xuân L và bà Đoàn Thị L1 không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của ông L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông Trịnh Xuân L được ly hôn với bà Đoàn Thị L1.

[3] Về con chung: Ông L và bà L1 có 01 con chung là Trịnh Lâm O, sinh ngày 02/12/2003, hiện nay do ông L nuôi ăn học đại học. Cháu Trịnh Lâm O đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục nuôi con học đại học.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trịnh Xuân L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trịnh Xuân L, cho ông Trịnh Xuân L được ly hôn bà Đoàn Thị L1.

[2]. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Ông Trịnh Xuân L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005323 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là ông Trịnh Xuân L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Đoàn Thị L1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND TT. T;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nhường

